

ẨN DỤ Ý NIỆM VỀ CUỘC ĐỜI TRONG THƠ TIẾNG ANH VÀ TIẾNG VIỆT

NGUYỄN THỊ QUYẾT*

1. Đặt vấn đề

Ẩn dụ là một hiện tượng phổ biến trong ngôn ngữ, luôn thu hút sự quan tâm của các học giả trong nhiều lĩnh vực khác nhau như ngôn ngữ học, phong cách học, tâm lí học, nghiên cứu văn học, ... Quan điểm gần đây nhất, có ảnh hưởng lớn đến các nhà nghiên cứu ẩn dụ là quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận, xem ẩn dụ là phương thức tư duy của cả cộng đồng ngôn ngữ, và có cả một mạng lưới ẩn dụ mà con người khi tư duy phải dựa vào chúng. Chúng tôi sẽ vận dụng quan điểm này để nghiên cứu về ẩn dụ trong thơ. Bài viết này tập trung vào các vấn đề sau:

1. Trình bày một số nội dung cơ bản cần thiết của ngôn ngữ học tri nhận trong nghiên cứu ẩn dụ.

2. Đưa ra các bước xác định các ẩn dụ ngôn ngữ và khái quát hoá chúng thành ẩn dụ ý niệm.

3. Phân tích các miền nguồn trong hai ngôn ngữ ánh xạ (mapping) sang miền đích là *cuộc đời*; nêu nhận xét và đánh giá các biểu hiện đặc trưng, từ đó đưa ra các bình luận về quan điểm của người sử dụng ngôn ngữ ở hai cộng đồng, đồng thời gợi ý những cách diễn đạt phù hợp với ngôn ngữ đích khi dịch.

2. Ẩn dụ theo quan điểm ngôn ngữ học tri nhận

Song song với sự phát triển của tâm lí học tri nhận, ngôn ngữ học tri nhận cũng đánh dấu một hướng mới trong việc nghiên cứu ẩn dụ. Ngôn ngữ học tri nhận cho rằng: Ẩn dụ nằm trong hệ thống tư duy, thể hiện tư duy của con người. Mỗi ẩn dụ ngôn ngữ là một cách biểu đạt các ẩn dụ ý niệm nằm ở tầng sâu bên dưới [6], [7a], [7b]. Ẩn dụ là một phần của ngôn ngữ, và là một phần của tri nhận. Chính các ẩn dụ ngôn ngữ sẽ phối hợp cùng nhau, tạo nên ẩn dụ ý niệm. Ẩn dụ có thể được phân loại theo mức độ *mới lạ* của ngôn ngữ, được gọi là *ẩn dụ cổ truyền* (*conventional metaphor*) và *ẩn dụ mới lạ* (*novel metaphor*). Bên cạnh đó, xét về quan hệ tầng bậc của các tầng ẩn dụ, chúng được phân thành *ẩn dụ ý niệm* và *ẩn dụ ngôn ngữ* [7a]. Khi xem xét ẩn dụ, các khái niệm liên quan như: *ánh xạ*, *miền*, *ý niệm hoá* cũng nên được đề cập đến. Chúng tôi sẽ trình bày một số khái niệm cơ bản sau đây:

.....

* Trường Đại học Hồng Đức, Thanh Hóa.

Ẩn dụ cổ truyền: Là những ẩn dụ mà khi sử dụng, người ta không ý thức rằng mình đang dùng ẩn dụ. Ẩn dụ cổ truyền có thể đã từng là ẩn dụ mới lạ, được lặp đi lặp lại theo thời gian và trở nên cũ nhàm. Đôi lúc thuật ngữ ẩn dụ cổ truyền có thể trùng với thuật ngữ *ẩn dụ chết* (*dead metaphor*). Đây là một số ẩn dụ mà Kovecses [4, 3] đã đưa ra:

I defended my idea - Tôi bảo vệ ý kiến của mình (trong ẩn dụ ý niệm *Tranh luận là cuộc chiến*).

We'll have to go our separate ways - Chúng ta sẽ phải đi những lối riêng thôi (trong ẩn dụ ý niệm *Tình yêu là một chuyến đi*).

We have to construct a new theory - Chúng ta phải xây dựng một lí thuyết mới (trong ẩn dụ ý niệm *Lí thuyết là tòa nhà*).

Ẩn dụ mới lạ: là những ẩn dụ được lâm thời tạo ra nhằm diễn tả một ý nghĩa cụ thể trong một hoàn cảnh cụ thể. Mặc dù ẩn dụ này về cơ bản vẫn dựa vào các khái niệm thông thường trong ngôn ngữ, nó được sử dụng trong một trường hợp đặc biệt nhằm thể hiện ý nghĩa mới mẻ mà người nói muốn truyền tải.

Ẩn dụ được cấu thành từ hai tầng bậc:

Ẩn dụ ngôn ngữ (*Linguistic metaphor*): Đây là các ẩn dụ trong những biểu thức ngôn ngữ, trong đó việc sử dụng thuật ngữ/ từ chỉ sự vật này được thay bằng thuật ngữ/ từ chỉ sự vật khác. Có nhiều ẩn dụ ngôn ngữ có vẻ khác biệt trên bề mặt, nhưng xét sâu xa, chúng lại tương liên với nhau trong một hệ thống ý niệm nằm sâu bên dưới.

Ẩn dụ ý niệm (*Conceptual metaphor*): Là ẩn dụ dựa trên kinh nghiệm của con người đối với thế giới, trong đó một miền (thông thường là miền cụ thể) được áp dụng để hiểu một miền khác (thông thường là miền trừu tượng hơn), miền thứ nhất được gọi là miền nguồn (*source domain*) và miền sau gọi là miền đích (*target domain*).

Chẳng hạn, các miền nguồn và miền đích được Lakoff và Johnson [7a] nêu ra: *Đời là một chuyến đi, tình yêu là một chuyến đi...*, và các ẩn dụ ý niệm này được thể hiện qua các biểu thức ẩn dụ sau (tác giả tạm dịch):

1) <i>Look how far we've come.</i>	<i>Xem chúng ta đã đi đến đâu.</i>
2) <i>We're at the crossroads.</i>	<i>Chúng ta đang ở ngã ba đường.</i>
3) <i>We'll just have to go our separate ways.</i>	<i>Chúng ta sẽ phải đi những lối riêng.</i>
4) <i>We can't turn back now.</i>	<i>Chúng tôi không thể quay trở lại được nữa rồi.</i>

5) <i>I don't think this relationship is going anywhere.</i>	<i>Em/ Anh không nghĩ mối quan hệ này sẽ đi đến đâu.</i>
6) <i>Where are we?</i>	<i>Chúng mình đang ở đâu vậy?</i>
7) <i>We're stuck.</i>	<i>Chúng ta bị kẹt rồi.</i>
8) <i>The relationship is a dead-end street.</i>	<i>Mối quan hệ đã ở cuối con đường.</i>
9) <i>We're just spinning our wheels.</i>	<i>Chúng ta chỉ đang dẫm chân tại chỗ. (quay bánh xe tại chỗ)</i>
10) <i>Our marriage is on the rocks.</i>	<i>Cuộc hôn nhân của chúng tôi đang trên bờ vực thẳm.</i>
11) <i>We've gotten of the track.</i>	<i>Chúng ta đi chệch đường rồi.</i>
12) <i>Their relationship is foundering.</i>	<i>Mối quan hệ của họ đang chìm ngìm.</i>

Miền khái niệm (conceptual domain): Miền là “hệ thống kiến thức tương đối phức hợp” [3, 61] và có mối liên hệ với “các bình diện kinh nghiệm”. Một miền khái niệm là “một tổ chức kinh nghiệm trong mối liên hệ chặt chẽ với nhau” [5, 4]. Chẳng hạn, miền ý niệm *cuộc hành trình* bao gồm: người đi hay khách lữ hành, hình thức đi, lộ trình, nơi đến, các trở ngại,... Ánh xạ (mapping): Là quá trình phóng chiếu từ miền nguồn đến miền đích.

Ý niệm hoá: “Là quá trình tạo nghĩa do ngôn ngữ đóng góp nên” [3, 38], quá trình này được thực hiện thông qua việc vận dụng kiến thức nền và tạo nên “các quá trình phức hợp khi tạo ra sự kết hợp ý niệm”. Ý niệm hoá liên quan tới bản chất tư duy linh hoạt và năng động của con người.

3. Các chiến lược và tiêu chí để xác định ẩn dụ

Nhiều nhà nghiên cứu [2], [8] đã đưa ra những chiến lược để nhận

diện ẩn dụ và các tiêu chí để xác định chúng. Theo Littlemore và Low [8, 50], khi một người học ngoại ngữ gặp một ẩn dụ ở một từ chưa biết, thì có thể đoán nghĩa. Nếu như đó là từ đã biết, thì sẽ phải đặt nó vào ngữ cảnh mới để hiểu được ẩn dụ đó. Các tiêu chí xác định ẩn dụ từ đường hướng ngôn ngữ học tri nhận là: Ẩn dụ được tạo nên từ sự chuyển đổi ý niệm. Nền tảng của sự chuyển đổi này xuất phát từ mối liên hệ tâm lí giữa “cái biểu đạt của biểu thức ngôn ngữ trong ngữ cảnh nguồn ban đầu và cái được biểu đạt trong ngữ cảnh đích của ẩn dụ mới lạ” [2, 21]. Quy trình đó có thể được thực hiện do sự tái thể hiện ngôn ngữ từ ngữ cảnh mà nó thường xuất hiện sang một ngữ cảnh khác hoặc một miền khác mà người ta không cho rằng sẽ xuất hiện, do đó sẽ gây ra những khó khăn trong việc hiểu được ý nghĩa.

Chúng tôi theo quan điểm phổ biến cho rằng ẩn dụ không phải là một

khái niệm tuyệt đối, nó là một thể liên tục (continuum), sự phân biệt giữa ẩn dụ cổ truyền và ẩn dụ mới lạ là không cần thiết. Khi đề cập đến việc nghiên cứu ẩn dụ theo đường hướng của ngôn ngữ học tri nhận, chúng tôi định hướng nghiên cứu chúng dưới những ý niệm rộng lớn nằm bên dưới các ẩn dụ ngôn ngữ. Do đó, trong nghiên cứu này, ẩn dụ mang những đặc điểm sau:

- Có thể là một phép so sánh ngầm với dạng X là Y, trong đó có những điểm không tương đương trong thang độ so sánh.

- Có thể mang hình thức là một kết hợp từ, một cụm từ, một câu hoặc một số câu mà ở đó không có sự phù hợp về nghĩa đen trong sự kết hợp nghĩa của các thành tố. Thí dụ:

Những cánh hoa khoe sắc.

- Có thể là một câu X là Y hoặc một tổ hợp từ mà ý nghĩa từ vựng vẫn phù hợp nhưng nếu xem xét kết hợp đó trong ngữ cảnh sẽ thấy là không phù hợp.

Khi đã xác định được miền nguồn và miền đích, chúng tôi sẽ thực hiện việc diễn giải các ẩn dụ dựa vào các miền này và giải thích sự chọn lựa chúng trong hai ngôn ngữ. Vấn đề cơ bản được quan tâm là sự chọn lựa các ẩn dụ ngôn ngữ cho miền đích *cuộc đời* dựa trên nguồn tư liệu ngôn ngữ thực tế giữa hai cộng đồng ngôn ngữ là thơ tiếng Anh và tiếng Việt.

4. Ẩn dụ về "cuộc đời" trong thơ tiếng Anh và tiếng Việt

Phần này sẽ giới thiệu các ẩn dụ xuất hiện trong số 100 bài thơ hiện

đại tiếng Anh và tiếng Việt được chúng tôi khảo sát. Những bài do các tác giả Anh và Việt sáng tác đều được chọn lọc để đảm bảo sự trải đều các tác phẩm từ các tác giả khác nhau. Chúng tôi không tập trung phân loại các thể loại thơ trong bài viết này, mà chỉ tập trung vào độ dài của các bài thơ. Nguồn thơ mà chúng tôi sử dụng trong bài viết này là từ các website lớn (xem tài liệu tham khảo). Việc lựa chọn các tác phẩm cũng tránh chỉ tập trung vào một số tác giả. Nguồn tài liệu thơ được lựa chọn dựa vào các tiêu chí sau: (1) Độ dài của các bài thơ, đảm bảo có cả những bài thơ ngắn, trung bình và tương đối dài; (2) sự xuất hiện các ẩn dụ ngôn ngữ trong bài, những bài thơ có rất ít ẩn dụ cũng không được lựa chọn.

Lakoff và Johnson [7a, 8] đã đề cập đến ẩn dụ ý niệm: "Đời là một chuyến đi" (*Life is a journey*) và hai ông đã nêu những thí dụ rất xác đáng để chứng minh cho lập luận của mình. Các thí dụ của hai học giả này đã được rất nhiều nhà ngôn ngữ học khác trên thế giới trích dẫn. Tuy nhiên, tất cả những thí dụ mà hai nhà nghiên cứu đưa ra là những thí dụ rút ra từ chính sự suy nghĩ tổng hợp của họ, những biểu thức ngôn ngữ đó không phải vốn xuất hiện trong bất kì một ngôn bản cụ thể nào. Đây cũng chính là điểm mà một số nhà nghiên cứu đã phản đối lại cách lập luận của hai ông, rằng những thí dụ được các ông đưa ra chưa phải là thí dụ có thực trong đời sống. Sự phản bác này không phải là không có cơ sở, nhất là khi hai tác giả này chỉ đưa ra được một khái niệm duy nhất là *Life is a journey* (Đời là một chuyến đi/cuộc hành trình) mà

không có những hướng mở khác như người ta còn có thể chỉ ra những khái niệm khác để diễn đạt về miền đích *life* (*cuộc đời*), chẳng hạn như những biểu thức ngôn ngữ mà chúng tôi đã gặp trong quá trình nghiên cứu trong tiếng Anh sau đây: *We have put life away and spurn the ways of the living - Chúng ta cất cuộc đời đi và bỏ đi cách mà mình đang sống* (*Sailing for Flanders*), hay *This pulse drives life through wanton counterpoint - (Những âm thanh này) lái cuộc đời qua phép đối âm viên mãn* (*String Bass*), *that life has its treasures to open for him at last - rằng cuộc đời đang có những kho báu mở ra cho anh vào phút cuối cùng* (*Violence*). Trong tiếng Việt, bên cạnh những ẩn dụ *Đời là một chuyến đi* được thể hiện rất nhiều trong thơ, đồng thời chúng tôi cũng bắt gặp những cách biểu đạt không thể khuôn vào ẩn dụ ý niệm trên như: *Anh chắt đời anh chắt mãi, chút ngọt bùi chút đắng cay* (*Gió bay*), hay *Anh chẳng biết nơi xa, một cuộc đời đã nở* (*Hái tuổi em đầy tay*). Bởi vậy việc xem xét những cách diễn đạt ẩn dụ khác về miền đích là "cuộc đời" hẳn sẽ đem lại những kết quả thú vị đối với những người quan tâm.

4.1. Những ẩn dụ ý niệm tương đồng giữa tiếng Anh và tiếng Việt có miền đích là "cuộc đời" (*life*)

Chúng tôi thống kê được 29/100 bài thơ tiếng Anh và 47/100 bài thơ tiếng Việt được khảo sát chứa ẩn dụ ý niệm có miền đích là "cuộc đời", trong đó số lượng ẩn dụ ý niệm trong thơ tiếng Anh là 41 và ở thơ tiếng Việt là 76. Những ẩn dụ ý niệm tương đồng trong hai ngôn ngữ mà

chúng tôi phát hiện ra là *Đời là một chuyến đi*; *Đời là một vật*; *Đời là một vật chứa đựng*; *Đời là một trận chiến*; *Đời là một ngày*. Trong đó, ở cả hai ngôn ngữ, ẩn dụ *Đời là một chuyến đi* thống lĩnh về số lượng, tiếng Anh có 20 trường hợp, chiếm 51,3%, tiếng Việt có 45 trường hợp, chiếm 59,2%.

Những cách biểu đạt ẩn dụ ý niệm về cuộc đời trong tiếng Anh rất phong phú. Chẳng hạn:

- *Heaven sorrowed your slope of life? - Liệu trời cao kia có buồn cho bờ dốc cuộc đời anh?*

(*At the grave of Anastasia Baluk*)

Những trải nghiệm trong cuộc sống được thể hiện:

- *There are footpaths I have never trod - Có những con đường tôi chưa hề đặt chân qua*

(*Danse macabre*)

- *Down the endless road to Infinity toss'd? - Có phải về phía con đường vô tận dẫn tới vô cùng không?*

(*Four in the Morning*)

Quan niệm về đúng sai, thành bại của cuộc đời có thể được nói:

- *Burns a light - To lead me out into the night. - đốt một ngọn đèn - dẫn tôi trong đêm đen.*

(*Guilt*)

- *I discover myself misplaced winding through everlasting paths - Tôi thấy mình lạc lối trên những con đường trải dài vô tận.*

(*Confused*)

- *I shall never, alone, meet the end of my world - At the bend of a path, - Tôi sẽ không bao giờ, một mình, tới được nơi tận cùng thế giới của tôi - Nơi ngã rẽ con đường.*

(*Last Word to Childhood*)

Sự mất chủ động trong cuộc sống cũng được thể hiện qua việc đi lại:

- *I feel myself slipping, losing my sanity - Tôi cảm thấy mình đang trượt đi, mất hết thăng bằng.*

(*Sanity*)

Cuộc đời, hẳn nhiên là một con đường:

- *See my straight road stretch out - nhìn thấy con đường thẳng tắp trải rộng.*

(*Two Julys*)

- *Many unknown ones going to dust - nhiều người tôi không quen đã trở về cát bụi.*

(*In Memory of Anyone Unknown to Me*)

- *That happy road, the road of all my friends - con đường hạnh phúc ấy, con đường của tất cả bạn bè tôi.*

(*Two Julys*)

- *To him, and asked of the path that lay before - với anh, và hỏi về con đường đang trải trước mắt anh.*

(*Samuel Palmer prepares to etch "The Lonely Tower"*)

- *They took the first turning quite unquestioningly - Họ rẽ lối đầu không cần suy nghĩ.*

(*They did not expect this*)

Cũng nói về miền đích là "cuộc đời" trong thơ tiếng Việt, chúng tôi cũng đã bắt gặp những cách thể hiện như:

- *Khi mỗi mòn nghe đời mình trắc trở.*

(*Bài thám mệ đầu tiên*)

- *Ngả đời năm bảy lối.*

(*Cho ngày nắng hạ*)

- *Gặp em chỉ một lần thôi - Mà đi cuối đất, cùng trời vẫn đi.*

(*Dại khôn*)

- *Giờ lang thang đi giữa đời thường.*

(*Dâng tặng*)

- *Dẫu nửa cuộc đời chưa có bước chân qua.*

(*Đưa em về đi*)

- *Lối em đi mù xoá dấu chân rồi...*

(*Em và tôi*)

- *Ngón ngang qua tạm cuộc đời*

(*Gió bay*)

- *Một đường bay - một đường bay - một đời.*

(*Gửi cho người*)

- *Ngày sinh còn ra đi - Đến tận cùng ngày chết.*

(*Hái tuổi em đầy tay*)

- *Bao năm đi giữa kinh thành - Bao năm lẻ bóng, lẻ hình, lẻ đôi.*

(*Mất nhưng*)

Nhìn chung, các cách diễn đạt theo ẩn dụ ý niệm "Đời là một chuyến

đi" trong cả hai ngôn ngữ đều khá tương đồng. Hầu hết đều miêu tả việc đi lại của con người để nói về sự diễn ra của cuộc sống, bên cạnh đó, những định hướng của cuộc đời được hiểu như các lối đi, con đường đi. Những dấu ấn đã để lại trong cuộc đời một cá nhân được thể hiện bằng những dấu chân trên những con đường. Sự thuận lợi trong cuộc sống được hiểu như sự rộng rãi, bằng phẳng của con đường. Ngược lại, những khó khăn được thể hiện bằng những gập ghềnh, trắc trở trên một con đường xấu.

Như vậy, phép ánh xạ (mapping) từ miền nguồn (*chuyến đi*) sang miền đích (*cuộc đời*) được áp dụng khá giống nhau trong cả hai ngôn ngữ, thể hiện sự tri nhận giống nhau của hai dân tộc trước thế giới. Hiểu được ẩn dụ ý niệm này, những người Việt học tiếng Anh có thể vận dụng để biểu đạt trong cách nói, cách viết như: *Cái đó là vật chướng ngại của tôi - It is an obstruction on my path; Có nhiều lối rẽ trước mặt anh ta - There are many directions in front of him.*

Đối với ẩn dụ ý niệm "Đời là một vật (quý)", trong tiếng Anh chúng tôi bắt gặp 3 trường hợp trong số 19 ẩn dụ, chiếm 7,7%, trong tiếng Việt là 4 trường hợp, chiếm 5,4%. Trong tiếng Anh, đó là các trường hợp:

- *Life was given to be given - cuộc sống được cho ta để cho đi.*

(*Sailing For Flanders*)

- *We have put life away - ta đã cất cuộc đời đi chỗ khác.*

(*Sailing For Flanders*)

Trong tiếng Việt:

- *Khi cuộc đời đã lẫn vào mơ.*

(*Bến không chồng*)

- *Anh sẽ dâng tặng đời Em.*

(*Dâng tặng*)

- *Cái giá cuộc đời đem nay em chọn lựa.*

(*Lời hoa hồng trước lúc tái sinh*)

- *Gục lên súng mũ bỏ quên đời!*

(*Tây Tiến*)

Với ẩn dụ ý niệm này, thông điệp mà người nói muốn truyền tải đến người nghe là "Đời là một báu vật", nghĩa là phải nâng niu và trân trọng nó, cuộc đời có giá rõ ràng. Dựa trên ẩn dụ ý niệm này, chúng ta có thể cải biến linh hoạt việc sử dụng ngôn ngữ theo những cách khác như: *Don't waste your life - Đừng lãng phí cuộc đời anh; I have to save my life first - Tôi phải giữ gìn cuộc đời mình trước đã.* Điều thú vị ở đây là, khi nắm bắt được những ẩn dụ ý niệm hoàn toàn tương đồng trong hai ngôn ngữ, chúng ta có thể vận dụng để chuyển dịch hai ngôn ngữ một cách linh hoạt, sinh động.

Với ẩn dụ "Đời là một vật chứa đựng", trong tiếng Anh, chúng tôi gặp hai biểu thức ẩn dụ có ý nghĩa gần giống nhau: *Ten words I throw into your changing lives - Mười từ tôi ném vào cuộc đời thay đổi của em (Longing for this World)* và trong tiếng Việt là: *Nhưng trong tất cả cuộc đời em những gì anh mang đến (Trái tim phụ nữ).* Ẩn dụ "đời là một trận chiến" cũng xuất hiện trong mỗi ngôn ngữ ở một biểu thức, đó là: *I hurry off to make retreat - Tôi vội vã rút lui (Guilt)* trong tiếng Anh và trong tiếng Việt

là: *Sao bây giờ ngã gục trước bình minh? (Bến không chồng)*

Một ẩn dụ ý niệm nữa có cả trong hai ngôn ngữ: "Đời là một ngày". Buổi chiều trong một ngày được xem là tuổi già, và cái chết được nhìn theo cách này, là đêm tối. Với ý niệm này người Việt có thành ngữ *tuổi già bóng xế*, còn người Anh nói: *the late life (tuổi muộn)*.

Trong thơ tiếng Anh, chúng tôi tìm thấy: *a distant birthplace - short span and early dying - một nơi sinh xa xôi - tuổi thọ ngắn và mất sớm (At the grave of Anastasia Baluk); Already miles away, dimming now, in the late day - đã xa nhiều dặm rồi, mờ xa, trong chiều muộn (Late Love)*. Trong thơ tiếng Việt chúng tôi cũng gặp một trường hợp: *Chiều, em đứng đợi bên cầu - Sắc hoa đã nhuộm một màu tương tư (Em và hoa)*.

Bên cạnh những ẩn dụ ý niệm tương đồng như chúng tôi vừa trình bày trên đây, có nhiều ẩn dụ chỉ gặp trong một ngôn ngữ mà không có tương đương trong ngôn ngữ kia. Những ẩn dụ khác biệt này cho phép hiểu rõ hơn về các giá trị văn hoá như quan niệm và lòng tin của hai cộng đồng ngôn ngữ. Trong phần tiếp theo sau đây, chúng tôi sẽ đề cập đến những khác biệt này.

4.2. Những ẩn dụ ý niệm khác biệt trong thơ tiếng Anh và tiếng Việt có miền đích là "cuộc đời" (*life*)

Trong tiếng Anh có các ẩn dụ ý niệm như: "Đời là một trò chơi". Trong khi đó, tiếng Việt có những ẩn dụ ý niệm điển hình như: "Đời là một dòng sông"; "Đời là hoa"; "Đời là thực phẩm"; "Đời là chốn"; Với ẩn dụ ý niệm "Đời

là một trò chơi", thơ tiếng Anh xuất hiện hai trường hợp là:

- *Games of chance and games of skill, - trò chơi của cơ hội và trò chơi của kỹ năng.*

(*Far - Darting Apollo*)

- *For our days are ending and our years failing - Bờ thời của ta kết thúc và tháng năm thất bại.*

(*To the Sea*)

Trong thơ tiếng Việt, với ẩn dụ "Đời là một dòng sông", chúng ta có thể thấy:

- *Em mệt mỏi giữa dòng đời khắc nghiệt.*

(*Có một chiều nào*)

- *Như thời son trẻ êm đêm ngày xưa.*

(*Những vòng xe đạp*)

- *Tôi như người bỗng lênh đênh giữa đời.*

(*Ở trọ*)

- *Thong dong xe đạp ngược xuôi dòng đời.*

(*Tình nghèo*)

Ẩn dụ "Đời là hoa" xuất hiện trong những cách diễn đạt:

- *Anh chẳng biết nơi xa - Một cuộc đời đã nở.*

(*Hái tuổi em đầy tay*)

- *Hương đời xông xáo.*

(*Lối về*)

Với ẩn dụ "Đời là thực phẩm" có những cách biểu đạt như:

- Cho em nghe nửa cuộc đời đắng ngọt.

(Chiều ca dao)

- Và tương lai chỉ ít cũng ngọt ngào.

(Thơ tình ngày không em)

Hay với ẩn dụ "Đời là chôn", trong tiếng Việt có đến 5 trường hợp thể hiện ẩn dụ ý niệm này:

- Anh sống thắm em ở giữa đời.

(Anh mang thắm em)

- Con cò bay lả bay la - Bay từ cỏ tích bay qua đời mình.

(Chiều ca dao)

- Chao xuống giữa đời anh.

(Mùa chim én bay)

- Khi ta vào đời, đời đã cấy cày chung.

(Những dòng sông)

- Dắt dìu nhau qua trống lạnh cõi đời.

(Xót nỗi xa người)

Những hiểu biết về sự khác nhau này sẽ giúp người Việt học tiếng Anh tránh được những cách biểu đạt tuy phù hợp với ngôn ngữ mẹ đẻ nhưng không hợp với cách diễn đạt bằng tiếng Anh. Chẳng hạn, người bản ngữ tiếng Anh không nói những câu dường như rất phổ biến trong tiếng Việt như: *Đời nó cay đắng lắm* - *His life is so bitter; cũng như người Việt không nói như người Anh: *Life leaks out* - *Đời rò rỉ ra ngoài.

Ngoài ra, còn có những cách diễn đạt khác được thể hiện qua những ẩn

dụ ý niệm như: "Đời là phương tiện"; "Đời là sân khấu"; "Đời là chất lỏng" trong tiếng Anh và "Đời là quả"; "Đời là cái lá"; "Đời là của cải" trong tiếng Việt. Với mỗi ẩn dụ ý niệm này, chúng tôi bắt gặp xuất hiện trong một biểu thức ngôn ngữ.

Có thể thấy rằng ngoài những ẩn dụ giống nhau như đã trình bày ở 4.1, trong số những ẩn dụ ý niệm khác nhau, miền nguồn là "dòng sông" trong ẩn dụ ý niệm tiếng Việt là đáng chú ý nhất, bởi văn hoá Việt Nam gắn liền với những dòng sông và có lẽ không ai là không cảm thấy thân thuộc, gắn bó với những dòng sông nơi mình sinh ra. Bởi vậy cho nên người Việt có thể lấy "nguồn" - nơi khởi phát của một dòng sông để nói về nơi bắt đầu, nơi phát sinh ra mình (nguồn gốc xuất thân), nơi cung cấp (như: nguồn điện, về nguồn, cán bộ nguồn...). Người Anh không có cách biểu đạt "về nguồn" giống người Việt: * *come back to the river/ stream* mà với họ, có một cách diễn đạt khác, dựa trên hình ảnh khác: *homeland (đất nhà)* hoặc *fatherland (đất cha)*. Những đặc điểm của điều kiện địa lí, sinh thái đã hình thành nên những tập quán khác nhau, và vì thế, định hình những giá trị văn hoá của mỗi cộng đồng khác nhau.

Những ẩn dụ ý niệm khác của tiếng Việt đều tập trung vào miền nguồn là những đồ vật, vật tĩnh để biểu đạt miền đích là cuộc đời. Trong khi đó, người Anh lại nhìn cuộc đời thiên về miền nguồn là những gì mang tính chất động hơn, phải giải quyết, như: vấn đề, trò chơi, phương tiện. Sự thâm trầm, tĩnh lặng trong lối nghĩ của người Việt về cuộc đời thể hiện ra khá rõ nét,

trong khi đó, sự linh động thể hiện qua quan niệm của người Anh nhiều hơn.

5. Kết luận

Chúng tôi đã cung cấp thêm những ẩn dụ ngôn ngữ minh chứng cho một ẩn dụ ý niệm của Lakoff và Johnson [7a, 8] có miền đích là "cuộc đời". Trong cả hai ngôn ngữ Anh và Việt, người ta đều có thiên hướng sử dụng ẩn dụ ý niệm "Đời là một chuyến đi", với sự ánh xạ từ miền nguồn sang miền đích tương tự nhau. Tuy nhiên, còn có những ẩn dụ ý niệm khác đã được chúng tôi phát hiện thêm, đặc biệt là những ẩn dụ ý niệm mà hai ngôn ngữ không giống nhau. Các biểu thức ẩn dụ ngôn ngữ thể hiện những ẩn dụ ý niệm khác nhau này cho thấy người Anh dường như có xu thế nhìn cuộc đời mang tính động hơn, trong khi đó, người Việt tri nhận cuộc đời tĩnh lặng, thâm trầm hơn. Hi vọng rằng, những kết quả nghiên cứu trong bài viết này sẽ góp phần nào vào sự hiểu biết về tư duy và văn hoá của ngôn ngữ đích đối với những người Việt học tiếng Anh và những người có quan tâm đến hai ngôn ngữ - hai nền văn hoá Anh - Việt.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. <http://www.poemhunter.com/poem>.
2. <http://www.famouspoetsandpoems.com>.
3. <http://www.thivien.net>.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aristotle, *Poetics*, <http://www.gutenberg.org>, 2008.
2. Charteris-Black J., *Corpus Approaches to Critical Metaphor Analysis*,

Hampshire, Palgrave MacMilan, New York, 2004.

3. Evan V., *A Glossary of Cognitive Linguistics*, Edinburgh University Press, Edinburgh, 2007.

4. Kovecses, *Metaphor: A Practical Introduction*, Oxford University Press, Oxford, 2002.

5. Kovecses, *Metaphor: A Practical Introduction*, (Second Edition), Oxford University Press, Oxford, 2010.

6. Lakoff G., *The contemporary theory of metaphor*, In *Metaphor and Thought* (Eds. A. Ortony), Cambridge University Press, pp. 202 - 251, Cambridge, 1993.

7. Lakoff G., and Johnson M.

a. *Metaphor We Live By*, (First Edition), University of Chicago Press, Chicago, 1980.

b. *Metaphor We Live By*, (Second Edition), University of Chicago Press, Chicago, 2003.

8. Littlemore J., Low G., *Figurative Thinking and Foreign Language Learning*, Palgrave Mc Milan, New York, 2006.

SUMMARY

This study focuses on the metaphors with the target domain LIFE in modern English and Vietnamese poems with an aim to analyze and compare the cultural

values such as attitudes and beliefs which play the role of background for the choice of source domains in two languages. Beside the conceptual metaphor: LIFE IS A JOURNEY which is widely accepted by many researchers, this study has discovered some other interesting conceptual ones.